

Số: 191/BC-THPTNSII

Hải Phòng, ngày 14 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 30/6/2024 của Bộ GDĐT Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ quy chế công khai của Trường THPT Nam Sách II năm học 2025 - 2026, Nhà trường báo cáo các nội dung thực hiện công khai như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Nhà trường

Trường THPT Nam Sách II

2. Địa chỉ, điện thoại, hòm thư điện tử, website

- Địa chỉ: Xã An Phú, thành phố Hải Phòng;
- Điện thoại: 0220.220.0036
- Email: thpt-namsach2@haiphong.edu.vn;
- Website: thptnamsach2.haiphong.edu.vn

3. Loại hình của Nhà trường

Công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của Nhà trường

4.1. Sứ mạng

Trường THPT Nam Sách II có sứ mệnh tạo dựng môi trường học tập và rèn luyện có nền nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục tốt, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân; là trung tâm văn hóa, giáo dục của khu vực của 1 số xã phía Tây Bắc của Thành phố Hải Phòng.

4.2. Tầm nhìn

Là một trong những trường THPT có chất lượng khá tốt, ổn định của thành phố Hải Phòng mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện; là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới những tầm cao mới.

4.3. Mục tiêu

- Trường tạo được uy tín trong xã hội, trong khu vực 1 số xã phía Tây Bắc của Thành phố Hải Phòng và các vùng lân cận; có nền nếp, kỷ cương, chất lượng giáo dục tốt và quản lý công khai, minh bạch;
- Có tỉ lệ tốt nghiệp THPT đạt 100%, có trên 60% học sinh vào đại học và cao đẳng;
- Bố trí hợp lý cơ sở vật chất nhà trường hiện có; huy động các nguồn lực để thường xuyên sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ dạy, học và làm việc.

4.4. Giá trị cốt lõi

Coi trọng xây dựng tính “Đoàn kết, kỷ cương, trách nhiệm, sáng tạo, hội nhập, phát triển” của học sinh và đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

- Đoàn kết: Nhà trường luôn coi trọng xây dựng tập thể CBGV và học sinh có tinh thần đoàn kết vượt qua mọi khó khăn thách thức, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt được các mục tiêu phát triển;

- Kỷ cương: Nhà trường xây dựng các quy chế, quy định, nội quy cụ thể hóa đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của ngành và tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia ý kiến thảo luận và tổ chức thực hiện.

- Trách nhiệm: Nhà trường luôn có ý thức giáo dục học sinh để các em không chỉ có trách nhiệm với bản thân, với người thân mà còn sống có trách nhiệm với quê hương, đất nước;

- Sáng tạo: Là yêu cầu cần có ở mọi thành viên trường THPT Nam Sách II. Với vai trò tiên phong trong công cuộc đổi mới và phát triển giáo dục, giáo viên và học sinh nhà trường luôn vượt lên chính mình, tự làm mới chính mình để thực hiện sứ mệnh tiếp nối và phát triển;

- Hội nhập: Trường luôn xác định giáo dục học sinh theo hướng học sinh có thể sẵn sàng hội nhập, năng động, tự tin, chủ động, là nhân tố quan trọng, tạo ảnh hưởng tích cực đến bạn bè và cộng đồng, có khả năng thích nghi trong các hoàn cảnh sống;

- Phát triển: Trường luôn coi trọng tư duy phát triển; phát triển sự nghiệp giáo dục của nhà trường, phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh nhằm sẵn sàng hội nhập cùng sự phát triển của cộng đồng.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Nhà trường

- Trường THPT Nam Sách II (*tiền thân là trường THPT Bán công Nam Sách*) chính thức được thành lập theo QĐ số 1751/QĐ-UBND ngày 24/8/2000 của UBND tỉnh;

Năm 2008, trường được đổi tên thành Trường THPT Nam Sách II (theo Quyết định số 4264/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2008 của UBND tỉnh Hải Dương).

- Năm 2013 nhà trường được UBND tỉnh ra Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 8/11/2013 của UBND tỉnh về "*Chuyển đổi Trường THPT Nam Sách II từ loại hình trường phổ thông bán công sang trường phổ thông công lập*";

- Trường đạt kiểm định Chất lượng giáo dục Cấp độ 2 tháng 12/2023, đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 1 tháng 12/2023;

- Hiện nay, diện tích toàn trường là 22.294m², 24 lớp học với 1010 học sinh;

- Đội ngũ giáo viên trẻ, năng động, nhiệt tình, đảm bảo đủ theo chỉ tiêu biên chế; được đào tạo cơ bản, chính quy, đều đạt chuẩn và trên chuẩn (trình độ đại học: 45, Thạc sĩ: 09, 05/07 giáo viên tiếng Anh đạt chuẩn về NLNN), có ý thức phấn đấu về chuyên môn nghiệp vụ, ý thức cao trong việc tự học và sáng tạo; có giáo viên cốt cán ở một số môn (Lịch sử, Ngữ văn, GDQP, AN, GDTC...);

6. Thông tin người đại diện pháp luật, người phát ngôn

- Người đại diện pháp luật: Bà: Nguyễn Thị Thúy Hà, Hiệu trưởng; điện thoại: 0983.566.919; email: thuyha70@gmail.com;

- Người phát ngôn (khi được Hiệu trưởng ủy quyền): Ông Nguyễn Tuấn Phương, Phó Hiệu trưởng; điện thoại: 0979.818.465; email: nguyentuanphuong2014@gmail.com;

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập nhà trường

Trường THPT Bán công Nam Sách được thành lập theo Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 24/8/2000 của UBND tỉnh Hải Dương;

Năm 2008, trường được đổi tên thành Trường THPT Nam Sách II (theo Quyết định số 4264/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2008 của UBND tỉnh Hải Dương).

Năm 2013, UBND tỉnh ra Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 08/11/2013 của UBND tỉnh về chuyển đổi Trường THPT Nam Sách II từ loại hình trường phổ thông bán công sang trường phổ thông công lập.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

- Hội đồng trường được kiện toàn, bổ sung thành viên theo Quyết định số 1132/QĐ-SGDĐT ngày 25 tháng 9 năm 2023

- Danh sách Hội đồng trường năm học 2025-2026:

STT	Họ và tên	Chức vụ, công tác	Chức danh trong Hội đồng trường	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thúy Hà	Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Nguyễn Tuấn Phương	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên	
3	Bùi Thị Hằng	Giáo viên	Thư ký	
4	Nguyễn Lê Minh	TTCM	Ủy viên	
5	Nguyễn Thị Dịu	TTCM	Ủy viên	
6	Đỗ Văn Mười	TTCM	Ủy viên	
7	Trần Thị Thu Phương	TTCM	Ủy viên	
8	Nguyễn Thị Hồng Vân	TTCM	Ủy viên	
9	Đỗ Thị Xuân Hương	TTCM	Ủy viên	
10	Đoàn Thị Tảo	TTVP	Ủy viên	
11	Hoàng Thị Thu Hương	Nguyên CTCD	Ủy viên	
12	Nguyễn Thị Thu	Bí thư Đoàn TN	Ủy viên	
13	Nguyễn Hữu Đăng	Học sinh	Ủy viên	
14	Trần Thị Phương	Ban ĐD HS	Ủy viên	
15	Nguyễn Văn Thăng	Nguyên Phó Bí thư Đảng ủy xã An Lâm	Ủy viên	

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng Nhà trường

- Hiệu trưởng (Bà Nguyễn Thị Thúy Hà): được điều động đến công tác tại Trường THPT Nam Sách II và bổ nhiệm giữ chức Hiệu trưởng theo Quyết định số 879/QĐ-SGDĐT ngày 28/7/2023 của Sở GDĐT Hải Dương;

- Phó Hiệu trưởng (Ông Nguyễn Tuấn Phương) được bổ nhiệm lại giữ chức Phó Hiệu trưởng theo Quyết định số 1615/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2023 của Sở GDĐT Hải Dương;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà trường; sơ đồ tổ chức bộ máy của Nhà trường

- Trường THPT Nam Sách II là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân tỉnh Hải Dương. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng;

- Trường THPT Nam Sách II có nhiệm vụ và quyền hạn xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hoá, lịch sử và truyền thống của nhà trường;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục;

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội;

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật;

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật;

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện các hoạt động về đảm bảo chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo Nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Địa chỉ thư điện tử
1	Nguyễn Thị Thúy Hà	Hiệu trưởng	0983.566.919	thuyha70@gmail.com
2	Nguyễn Tuấn Phương	Phó Hiệu trưởng	0979.818.465	nguyentuanphuong2014@gmail.com

- Nơi làm việc: Trường THPT Nam Sách II; địa chỉ: Thôn Bạch Đa, xã An Phú, thành phố Hải Phòng);

- Nhiệm vụ, trách nhiệm:

Bà Nguyễn Thị Thúy Hà, Hiệu trưởng: phụ trách chung, trực tiếp phụ trách các vấn đề liên quan đến công tác tổ chức, tài chính, giáo dục tư tưởng – chính trị.

Ông Nguyễn Tuấn Phương, Phó hiệu trưởng: phụ trách các vấn đề liên quan đến chuyên môn, kiêm nhiệm các vấn đề liên quan đến cơ sở vật chất, an ninh trật tự, an toàn trường học, công tác chủ nhiệm lớp đến khi Sở GDĐT bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng mới.

e) Các văn bản khác của Nhà trường

- Chiến lược phát triển của Nhà trường;

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của Nhà trường;

- Quy chế chi tiêu nội bộ;

- Các nghị quyết của hội đồng trường;

- Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của Nhà trường;

- Các quy định, quy chế nội bộ khác: Quy chế làm việc, Quy chế công khai, Quy chế nâng lương, Quy chế phối hợp, Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công,

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm

TT	Diện	Quản lý		Giáo viên	Nhân viên					Tổng	Ghi chú
		HT	PHT		KT	VT, TQ	Y T T V	BV	LC		
1	Viên chức	01	01	51	01	01				55	
2	HĐ			1			01	01		03	
3	HĐ vụ việc			0				01	01	02	
Tổng		01	01	52	01	01	01	02	01	60	

2. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo trình độ đào tạo, hạng CDNN, chuẩn nghề nghiệp

ST T	Nhóm đối tượng	Tổng số	Trình độ					Hạng CDNN			Chuẩn nghề nghiệp				
			ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	III	II	I	Tốt	Khá	TB	Kém	
Tổng số		60	9	47					1	1		53	2		
I	Quản lý	02	02									2			
1	Hiệu trưởng	01	01								1	1			
2	Phó Hiệu trưởng	01	01							1		1			
II	Giáo viên	52	07	45				23	29						
1	Toán	09	01	08				6	3			08	1		
2	Vật lí	04		04				1	3			04			
3	Hóa học	04	01	03				3	1			04			
4	Sinh học	03	02	01					3			03			
5	Công nghệ	03		03				1	2			03			
6	Tin học	03	01	02				2	1			03			
7	Ngữ văn	08	01	07				3	5			08			
8	Lịch sử	03		03				1	2			03			
9	Địa lí	02		02					2			02			
10	GDKT-PL	02		02				1	1			02			
11	Tiếng Anh	07	01	06				5	2			06	1		
12	GDTC	03		03					3			03			
13	GDQPAN	01		01					1			01			
III	Nhân viên	06	0	02			01	03	2						

1	Kế toán			01									
2	Văn thư, thủ quỹ			01									
3	Thư viện, thiết bị			0									
4	Y tế, tạp vụ				01								
5	Bảo vệ					2							
6	Lao công					1							

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

- Diện tích khu đất xây dựng trường: 22.294m²;

- Diện tích bình quân tối thiểu/một học sinh (1010 học sinh của năm học 2025-2026): 22,07m²/ 01 học sinh (đảm bảo diện tích tối thiểu là 10m²/01 học sinh theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT).

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định. Đáp ứng tối thiểu theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	24	1,8m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	24	1,8
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	06	0,63
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học		1,0
8	Bình quân học sinh/lớp		41,7
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	22.294	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	14.000	14m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng	3.090	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.800	1,8m ² /học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	540	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	60	
3	Diện tích thư viện (m ²)	90	
4	Diện tích phòng giáo dục rèn luyện thể chất (m ²)	200	

5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)	2200	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	8	1/1
1.2	Khối lớp 11	8	1/1
1.3	Khối lớp 12	8	1/1
2	Tổng số TBDH tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10	2	
2.2	Khối lớp 11	1	
2.3	Khối lớp 12	1	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	0	-
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	50	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số lượng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	3	
2	Cát xét	9	
3	Đầu Video/dầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	24	100%
5	Thiết bị khác...	1	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4		6		0,15
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
--	-----------------	-----------	--------------

XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Tên tổ chức kiểm định: Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương;
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: **Cấp độ 2**
- Hiệu lực: từ ngày 01 tháng 02 năm 2024 đến ngày 01 tháng 02 năm 2029.
- Mức độ đạt kiểm định: Trường đạt chuẩn **Mức độ 1**
- Hiệu lực: từ ngày 16 tháng 02 năm 2024 đến ngày 16 tháng 02 năm 2029.

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	x

Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	
Tiêu chí 5.5		x	x	
Tiêu chí 5.6		x	x	

1.2. Kết quả:

+ 28/28 tiêu chí đạt mức 1;

+ 28/28 tiêu chí đạt mức 2;

+ 10/20 tiêu chí đạt mức 3.

2. Kết luận: Trường đạt chuẩn Mức độ 1

3. Kiểm định chất lượng giáo dục: Cấp độ 2

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1002	342	331	329
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	966 (96,41)	329 (96,2)	315 (95,17)	322 (97,87)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	36 (3,59)	13 (3,8)	16(4,83)	7 (2,13)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1002	342	331	329
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	466 (46,51)	115 (33,63)	124 (37,46)	227 (69)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	527 (52,59)	222 (64,91)	204 (61,63)	101 (30,7)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	9 (0,9)	5 (1,46)	3 (0,91)	1 (0,3)
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	673 (100)	342(100)	331(100)	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	466 (46,51)	115 (33,63)	124 (37,46)	227 (69)

b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chuyển trường đi/dến (tỷ lệ so với tổng số)	9/17	5/12	4/5	0
5	Bị đình chỉ học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện	0	0	0	0
1	Cấp tỉnh	6	0	0	6
V	Số học sinh dự thi tốt nghiệp THPT	329	0	0	329
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	329	0	0	329
VI I	Số học sinh thi đỗ vào ĐH CD, TCCN (tỷ lệ so với tổng số)	259 (78,72)	0	0	259 (78,72)
VI II	Số học sinh nam/số học sinh nữ	498/504	180/162	148/183	170/159
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	02	01	01	0

Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh (lên lớp)	- Hoàn thành bậc THCS. - Đủ hồ sơ, hợp lệ, đúng quy chế tuyển sinh.	- Hoàn thành Chương trình lớp 10. - Kết quả học tập và rèn luyện lớp 11 từ Đạt trở lên.	- Hoàn thành Chương trình lớp 11 - Kết quả học tập và rèn luyện lớp 12 từ Đạt trở lên.
II	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.	- Tổ chức họp CMHS định kì 2- 3 lần trong năm học, thông qua kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục toàn diện, tổ chức kí cam kết thực hiện các cuộc vận động giữa giáo viên, học		

	Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	sinh và phụ huynh, xây dựng qui chế phối hợp giữa nhà trường, phụ huynh trong việc giáo dục học sinh. - Thông qua Nội quy, Quy chế, Điều lệ nhà trường, triển khai các qui định về quyền lợi, nghĩa vụ của học sinh và cha mẹ học sinh trong công tác phối hợp. Kết hợp chặt chẽ 3 môi trường giáo dục (nhà trường, gia đình, xã hội). Đảm bảo thông tin hai chiều giữa nhà trường và gia đình. - Học sinh có thái độ tích cực học tập, tu dưỡng và rèn luyện. - Trung thực trong học tập, không có thái độ gian lận trong kiểm tra và thi cử.		
III	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	Đủ phòng học; thiết bị dạy học, phòng Tin học theo chuẩn của Bộ GD&ĐT	Đủ phòng học; thiết bị dạy học, Phòng Tin học theo chuẩn của Bộ GD&ĐT	Đủ phòng học; thiết bị dạy học, Phòng Tin học theo chuẩn của Bộ GD&ĐT
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Tổ chức tốt hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, hoạt động văn nghệ, TDTT... - Miễn giảm HP, hỗ trợ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, gia đình thuộc diện chính sách.		
V	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có năng lực phẩm chất chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn trở lên, có kinh nghiệm trong công tác. - Phương pháp quản lý của nhà trường: căn cứ vào hệ thống văn bản chỉ đạo của cấp trên, áp dụng phù hợp với thực trạng nhà trường; phân công công tác hợp lý, phát huy năng dân chủ trong nhà trường.		
VI	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh trong năm học	Kết quả rèn luyện: Tốt : 90%; Khá : 9%; Đạt: 1%. Kết quả học tập: Giỏi : 25%; Khá : 70%; Đạt : 5% SK: 100% đủ sức khỏe để học tập	Kết quả rèn luyện Tốt : 90%; Khá : 9%; Đạt: 1%. Kết quả học tập: Giỏi : 28%; Khá : 70%; Đạt : 2% SK: 100% đủ sức khỏe để học tập	Kết quả rèn luyện Tốt : 97%; Khá : 2%; Đạt: 1%. Kết quả học tập: Giỏi: 30%; Khá: 69%; Đạt: 1% SK: 100% đủ sức khỏe để học tập
VII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đủ khả năng học lên lớp 11	Đủ khả năng học lên lớp 12	TN THPT trên 99%, Đủ vào ĐHCĐ đạt trên 60%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU, CHI TÀI CHÍNH NĂM 2024****A/ CÁC KHOẢN THU QUYẾT TOÁN NĂM 2024: 15.537.836.132.200 đồng (Bao gồm cả nguồn năm trước chuyển sang)**

STT	Các khoản thu và nguồn NS cấp	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
I	Nguồn Ngân sách	10.657.148.000	11.818.220.108
1	NS giao tự chủ	10.013.005.000	7.949.428.000
2	NS không giao tự chủ	318.275.000	2.874.935.108
3	NS thực hiện CCTL		129.000.000
4	NS tinh cấp sau 30/9		864.857.000
5	NS thực hiện tiền thưởng	325.868.000	
II	Nguồn Thu theo quy định	1.100.154.000	1.989.115.600
1	Học phí thu tại đơn vị	953.889.000	957.598.100
2	Học phí được NS nhà nước cấp		864.857.000
3	HP được cấp bù cho đối tượng CS	19.500.000	20.887.500
4	Xe đạp	126.765.000	145.773.000
III	Thu dịch vụ	2.986.323.200	3.028.072.800
1	Học thêm	2.655.937.200	2.738.668.800
2	Nước uống	28.028.000	63.126.000
3	Tin nhắn điện tử	38.800.000	87.570.000
4	Vệ sinh	177.400.000	80.160.000
5	KSCL lớp 12	86.158.000	48.528.000
6	Thẻ HS		10.020.000
IV	Nguồn năm trước chuyển sang	794.210.932	551.099.700
1	Học phí	742.062.800	551.099.700
2	Xe đạp	7.711.932	
3	Nước uống	35.121.600	
4	Vệ sinh	9.314.600	

B/ CÁC KHOẢN CHI QUYẾT TOÁN NĂM 2024:

STT	Nội dung chi	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	15.522.168.505	16.592.297.276
I	Chi tiền lương, thu nhập, chi khác có tính chất như lương	12.872.971.560	10.513.577.740
1	Tiền lương, tiền công	11.275.116.560	9.299.794.040
2	Các khoản đóng góp	1.597.855.000	1.213.783.700
II	Cơ sở v/c và dịch vụ	393.706.829	3.330.916.976
1	Chi dịch vụ	210.526.116	261.926.700
2	Sửa chữa cơ sở v/c	183.180.713	3.046.990.276

3	Mua sắm TS		22.000.000
III	Chi chuyên môn, khen thưởng	1.213.188.860	742.300.340
1	Chi chuyên môn nghiệp vụ	856.432.860	719.620.340
2	Khen thưởng	356.756.000	22.680.000
IV	Chi hỗ trợ người học	29.910.000	31.728.000
1	Chi học bổng HS	12.960.000	10.728.000
2	Chi hỗ trợ chi phí học tập HS	16.950.000	21.000.000
V	Chi khác	719.208.540	1.550.006.420
1	Chi các khoản khác	719.208.540	1.550.006.420
VI	Trích lập quỹ	293.182.716	423.767.800
1	Chi lập quỹ bổ sung thu nhập	56.356.000	123.200.000
2	Chi lập quỹ phúc lợi	162.497.716	190.567.800
3	Chi lập quỹ khen thưởng	10.000.000	30.000.000
4	Chi lập quỹ phát triển HDSN	64.329.000	80.000.000

C/ CHÍNH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HÀNG NĂM VỀ TRỢ CẤP VÀ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ, HỌC BỔNG ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC:

*Chính sách:

- Miễn học phí cho học sinh là con đối tượng như: Hộ nghèo, HS khuyết tật, HS mồ côi cả cha lẫn mẹ, con của Thương binh, bệnh binh.
- Giảm học phí cho học sinh là con đối tượng như: Hộ cận nghèo, cha mẹ bị tai nạn LĐ hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng chế độ trợ cấp.
- Hưởng học bổng đối với học sinh diện: Học sinh khuyết tật thuộc diện hộ cận nghèo, hộ nghèo.
- Hưởng hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh diện: Hộ nghèo, HS khuyết tật, học sinh khuyết tật thuộc diện hộ cận nghèo, hộ nghèo.

*Kết quả thực hiện chính sách:

- Thực hiện chi trả cho học sinh tiền học bổng là: 12.960.000đ
- Thực hiện chi trả cho học sinh tiền hỗ trợ chi phí học tập là: 16.950.000đ
- Thực hiện miễn, giảm cho học sinh với số tiền là: 19.500.000đ

D/ SỐ DƯ CÁC QUỸ CHUYỂN SANG NĂM 2025.

• Quỹ tiền mặt:

STT	Tên quỹ	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Học thêm	15.667.627	
	Tổng cộng	15.667.627	

• Quỹ tiền gửi:

STT	Tên quỹ	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Quỹ BHYT (Tiền CSSK ban đầu cho HS)	17.725.958	
2	Quỹ phúc lợi	85.975.516	
3	Quỹ khen thưởng	20.400.000	
4	Quỹ PTHDSN	85.806.800	
5	Quỹ thu nhập tăng thêm	56.416.000	
	Tổng cộng	266.324.274	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Hoàn thành kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành

1. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, tăng cường nền nếp, kỷ cương trong nhà trường

- Ban Giám hiệu nhà trường đã chỉ đạo tổ chức các buổi ngoại khóa thiết thực bổ ích: - Nhà trường đã tổ chức đón, đưa học sinh đi qua Quốc lộ 37 đến trường hàng ngày; Tổ chức các buổi ngoại khóa thiết thực, bổ ích thu hút đông đảo học sinh hào hứng tham gia: phối hợp với Ban ATGT tỉnh và công an huyện Nam Sách tổ chức *Ngoại khóa về An toàn giao thông* (ngày 23/9/2024); phối hợp với Cơ sở cai nghiện tỉnh Hải Dương, công an xã An Phú tổ chức tuyên truyền *Phòng chống ma túy và thuốc lá điện tử* (Ngày 16/12/2024); Phối hợp với Công an huyện, công an xã An Phú tổ chức tuyên truyền *Luật an ninh mạng và phòng chống tội phạm công nghệ cao; Luật trật tự an toàn giao thông đường bộ; Phòng chống vi phạm pháp luật cho người dưới 18 tuổi* (ngày 06/01/2025). Tổ chức chuyên đề *Tuyên truyền biển đảo và chủ quyền biên giới quốc gia năm 2025* nhân kỷ niệm 94 năm Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (ngày 10/3/2025); Tổ chức Chuyên đề *"Đất nước trọn niềm vui"* chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước (ngày 21/4/2025); Chỉ đạo Tổ Ngoại ngữ tổ chức chuyên đề cấp trường với chủ đề *"Tet holiday"* (ngày 13/01/2025); Tổ chuyên môn Ngữ văn tổ chức chuyên đề cấp trường với chủ đề *"Sắc màu văn học"* (ngày 14/4/2025);

- Trong năm học, nhà trường đã giới thiệu 50 học sinh lớp 12 đi học cảm tình Đảng, làm hồ sơ kết nạp Đảng cho 21 em học sinh lớp 12 vào tháng 5, tháng 6 năm 2025.

- Tập thể CBGVNV và học sinh nhà trường rất tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện được xã hội, nhân dân đánh giá cao: Tặng quà, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn; Tổ chức học sinh đi dọn dẹp, đặt lễ nghi, vòng hoa, thắp hương tại nghĩa trang Liệt sĩ các xã, phường, thị trấn...; Vận động thầy, trò mua tăm tre, bút bi, thước kẻ... ủng hộ người mù, trẻ khuyết tật; Tổ chức quyên góp, ủng hộ theo sự vận động của huyện, để tặng quà học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Vận động CBGVNV, học sinh tham gia hiến máu nhân đạo và được Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện huyện Nam Sách tặng Giấy khen.

2. Công tác giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng; việc hưởng ứng cuộc thi học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp do Bộ GDĐT phát động

Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả quy định của Bộ GDĐT về thời lượng, nội dung chương trình giáo dục hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp. Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp; phát triển đội ngũ GV kiêm nhiệm làm nhiệm vụ hướng nghiệp; huy động nguồn lực xã hội tham gia giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng HS phổ thông.

- Từng bước phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THPT vào học các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo kế hoạch giai đoạn 2020 - 2025 của Đề án là 40%.

3. Thực hiện tự chủ trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường

- Tự chủ trong xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch kiểm tra đánh giá đặc biệt các nội dung mới của lớp 10, lớp 11 thực hiện CTGDPT 2018 dưới sự hướng dẫn của Sở GDĐT;

4. Kết quả thực hiện hồ sơ, sổ sách trong nhà trường theo quy định của Điều lệ trường học

- Thực hiện đúng quy định về hồ sơ, sổ sách trong nhà trường theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT, Chỉ thị số 138/CT-BGDĐT ngày

18/01/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, Công văn số 1544 ngày 30/11/2021 của Sở GD&ĐT, Công văn số 340/SGDDĐT-KHTC, ngày 23/02/2024 về hướng dẫn quản lý hồ sơ, sổ sách điện tử trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

- Quản lý hồ sơ, sổ sách trong nhà trường. Trong năm học, nhà trường đã tổ chức cho tổ trưởng, tổ phó tập huấn hồ sơ điện tử và đăng ký sử dụng một số hồ sơ điện tử của nhà trường, tổ chuyên môn và giáo viên. Năm học 2024 - 2025 đã sử dụng học bạ điện tử với 3 khối, kế hoạch bài dạy, sổ chủ nhiệm, sổ đăng bộ điện tử. Tăng cường tổ chức các buổi hội thảo, tập huấn, trao đổi, chia sẻ về sử dụng hồ sơ điện tử.

5. Kết quả triển khai xây dựng các mô hình trường học theo hướng dẫn tại Công văn số 1852/SGDDĐT-GDTrH-GDTrX ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc triển khai một số mô hình trường học cấp THCS và THPT năm học 2023-2024

- Căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2024 - 2025 và Nghị quyết cuộc họp lãnh đạo nhà trường; trường THPT Nam Sách II chọn mô hình trường học Xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện và xây dựng kế hoạch thực hiện.

Kết quả tự chấm điểm đạt 97/100 điểm và đã được Sở GDĐT công nhận, tặng giấy khen.

6. Công tác phối hợp thông tin tuyên truyền

- Việc cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân có liên quan tại địa phương về tình hình thực hiện các chủ trương, chính sách đổi mới đối với GDTrH; tình hình và kết quả triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới đối với giáo dục trung học; thường xuyên và kịp thời theo đúng chủ trương đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về GDĐT.

- Việc viết và đưa tin, bài về các kết quả hoạt động của ngành; tuyên truyền các gương người tốt, việc tốt; Tổ chức hoạt động trang thông tin điện tử của trường, trang Fanpage của trường và các ứng dụng, phần mềm quản lý khác phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác quản lý và giảng dạy. Trong năm học đã kiện toàn Ban quản trị trang Website của trường.

Trên đây là báo cáo công khai thường niên kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 và phương hướng nhiệm vụ của nhà trường trong năm học 2025-2026 của Trường THPT Nam Sách II.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Thuý Hà